

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DSPT  
Ngày 22 - 5 - 2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hui

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Bình

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Liên

Ông Nguyễn Văn Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Thành Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị N, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 99 ấp K, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**- Người kháng cáo:** Bà Phạm Thị N là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 26/7/2017 (âm lịch), bà N làm chủ hui, hui được mở định kỳ vào ngày 26 (âm lịch) hàng tháng, chung hui có 20 thành viên tham gia, mỗi phần trị giá

1.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần đóng được 13 phần đến phần thứ 14 thì đến lượt hốt hui với số tiền 12.500.000 đồng nhưng bà N chỉ giao được 3.900.000 đồng, còn nợ lại số tiền 8.600.000 đồng chưa giao cho bà.

Ngày 13/12/2017 (âm lịch), bà tiếp tục tham gia chung hui tiếp theo với 01 phần hui, mỗi phần trị giá 2.000.000 đồng, đóng hui, hốt hui định kỳ vào ngày 13 (âm lịch) hàng tháng. Ở chung hui này có 16 hui viên tham gia, bà đóng được 08 phần thì ngưng do khi đó bà N tuyên bố bỏ hui. Tổng số tiền hui bà được hốt là 16.000.000 đồng, trừ 1.000.000 đồng tiền huê hồng cho bà N, còn lại 15.000.000 đồng đến nay bà N vẫn chưa giao tiền cho bà.

Tổng số tiền của 02 chung hui bà N còn nợ bà là 23.600.000 đồng đến nay vẫn chưa trả.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ của chủ hui nên bà yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền hui còn nợ 23.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:*

Bà thừa nhận bà D có tham gia 02 chung hui do bà làm chủ hui, số tiền hui chung thứ nhất mở ngày 26/7/2017 (âm lịch) số tiền bà D được hốt là 8.600.000 đồng, chung hui thứ hai mở 13/12/2017 (âm lịch) số tiền bà D được hốt là 15.000.000 đồng, tổng số tiền 02 chung hui bà D được hốt là 23.600.000 đồng nhưng bà N chưa có tiền giao cho bà D. Do có hui viên khác còn nợ tiền hui của bà nên bà yêu cầu để khi nào bà lấy được tiền hui sẽ giao cho bà D.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 156/2019/DSST ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Buộc bà Phạm Thị N có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 23.600.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ khi bà D có đơn yêu cầu thi hành án bà N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo quy định của pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 03/10/2019, bị đơn bà Phạm Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà chỉ nợ nguyên đơn 16.790.000 đồng và đề nghị thu hồi nợ của các hui viên khác rồi mới trả cho nguyên đơn số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục: Bị đơn có đơn kháng cáo và đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ về mặt hình thức. Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Việc giao dịch hui giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện và bình đẳng, không có sự lừa dối, ép buộc giữa các bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên xem là hợp pháp. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn đã vi phạm, không thực hiện đúng trách nhiệm chủ hui làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Việc bị đơn ngưng hui là lỗi của bị đơn. Cho nên cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả 23.600.000 đồng là có căn cứ. Việc bị đơn cho rằng do bề hui nên chỉ trả một phần tiền hui là 16.790.000 đồng là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn có tham gia chơi hui do bị đơn làm chủ hui. Nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ số tiền hui là 23.600.000 đồng nhưng không trả nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền trên. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện L xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hui” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử xong, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Việc kháng cáo của đương sự là trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo đảm bảo về mặt hình thức.

Xét về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn có tham gia 02 chung hui do bị đơn làm chủ hui. Cả 02 chung hui nguyên đơn tham gia đều là hui có lãi vì có chung phương thức đóng hui, khai hui và hốt hui đó là mỗi lần khai hui vào ngày 26 và ngày 13 (âm lịch) hàng tháng, sau khi trừ đi một số tiền mà các hui viên bỏ trên số tiền hui gốc của chung thứ nhất là 1.000.000 đồng và chung thứ hai là 2.000.000 đồng, hui viên nào bỏ cao nhất là người hốt hui. Quá trình chơi hui, bà D đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng tiền hui nhưng đến khi bà hốt hui thì bà N lại không giao đủ tiền hui cho bà D, do đó bà N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường nên bà N phải có nghĩa vụ trả tiền hui cho bà D.

Xét thấy, đối với chung hui thứ nhất khai ngày 26/7/2018 (âm lịch), bà D đã đóng được 13 lần, đến lần thứ 14 thì bà D hốt hui nên số tiền bà được hưởng là 12.500.000 đồng, nhưng bà N chỉ giao cho bà D số tiền là 3.900.000 đồng nên bà N còn nợ lại 8.600.000 đồng. Đối với chung hui thứ hai khai ngày 13/8/2018 (âm lịch), bà D đã đóng được 08 lần, số tiền bà hốt hui là 15.000.000 đồng, nhưng bà N chưa giao cho bà D số tiền này.

Như vậy, tổng 02 chung hui bà N còn thiếu bà D là 23.600.000 đồng. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bà N cũng đã thừa nhận số tiền nợ hui chưa giao

cho bà D là 23.600.000 đồng. Nay, bà N kháng cáo cho rằng chỉ nợ bà D có 16.790.000 đồng, đồng thời đề nghị khi thu hồi nợ hui của các thành viên khác rồi mới trả cho bà D nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D.

Buộc bà Phạm Thị N có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 23.600.000 đồng (Hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), không tính lãi.

Kể từ khi bà D có đơn yêu cầu thi hành án, bà N chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 1.180.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Mỹ D được nhận lại 365.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/003305 ngày 26 tháng 6 năm 2019 và 300.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/003401 ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, thành phố Cần Thơ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền bà N đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 015279 ngày 07/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Công nhận bà N đã nộp xong

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Bình**